

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC BÌNH
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/01/2021.

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Quốc Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Văn Việt - Cán bộ hưu trí.

Bà Trần Thị Nguyệt Bình - Cán bộ hưu trí

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Minh Thị Thu Hòa - Cán bộ Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 1 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 317/2020/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/01/2021, giữa các đương sự :

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1972.

- *Bị đơn :* Anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Các đương sự có mặt trước tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

1. Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn Đ sống với nhau từ năm 1990 cho đến nay. Không đăng ký kết hôn. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho nguyên đơn ly hôn với bị đơn.

Anh Đỗ Văn Đ trình bày: Lời trình bày của chị Nguyễn Thị H là đúng. Nay chị H yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh Đ, anh đồng ý.

2. Về con chung: Có 02 con chung

- Đỗ Thị H1, sinh năm 1994.

- Đỗ Thị T, sinh năm 1996

Các con đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến đối với vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đúng theo quy định của BLTTDS năm 2015 đảm bảo quyền và lợi ích của các đương sự trong vụ án. Về thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 7 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 145, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 14, Khoản 1 Điều 16, Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Tuyên bố Không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn Đ là vợ chồng; Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết; Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị giải quyết việc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H với anh Đỗ Văn Đ, theo quy định tại Khoản 7 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn Đ tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1990 cho đến nay. Không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Như vậy quá trình chung sống giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn Đ có 02 con chung nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Tuy chị H, anh Đ thuận tình ly hôn nhưng pháp luật HNGĐ không công nhận đây là hôn nhân hợp pháp nên không thể xử cho ly hôn mà phải xử không công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn Đ có 02 con chung: Đỗ Thị Hiền, sinh năm 1994; Đỗ Thị Trang, sinh năm 1996. Các con đã trưởng thành nên không xem xét

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đối với vụ án phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 7 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8; Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Khoản 1 Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/06/2000 của Quốc hội; Điều 3; Điểm a Khoản

5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn Đ là vợ chồng .

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không xem xét

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa giải quyết

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí DSST nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006555 ngày 26/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí DSST.

Nguyên, bị đơn được quyền kháng cáo lên tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

-VKS B.

-Các đương sự

-Lưu h/s.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

LÂM QUỐC TUẤN

Nơi nhận

- VKS B.
- Các đương sự
- Lưu h/s.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

LÂM QUỐC TUẤN

